TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày 17-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Ngọc Phương.

Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2025/TLST–HS ngày 10 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Hồ Văn P, sinh năm 2004 tại tỉnh Đồng Tháp; căn cước công dân số: 087204004636; nơi đăng ký thường trú: tổ G, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); địa chỉ tạm trú: số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/12/2024 đến nay; đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T, thuộc Trại Tạm giam số 2 – Công an Thành phố H; có mặt.

2. Phan Ngọc T1, sinh năm 1996 tại tỉnh Kiên Giang; căn cước công dân số: 091096008406; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang); địa chỉ tạm trú: số G, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C và bà Mai Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: ngày 12/11/2024, bị Công an

phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 324/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/12/2024 đến nay; đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T, thuộc Trại Tạm giam số 2 – Công an Thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Thanh C1, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã N, tỉnh An Giang); chỗ ở: nhà trọ Cô L, số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 14/12/2024, Tổ tuần tra Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) tuần tra trên tuyến đường ĐT 743 thuộc phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), khi đến trước cổng nhà thờ B thì phát hiện ông Lê Thanh C1 đang chở bị cáo Phan Ngọc T1 di chuyển trên đường có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Tổ tuần tra phát hiện 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng trên đường nhựa cách chỗ bị cáo T1 đứng khoảng 02 mét. Bị cáo T1 khai nhận túi nylon trên là ma túy mà bị cáo T1 mua của bị cáo Hồ Văn P. Khi thấy Tổ tuần tra, bị cáo T1 sợ bị phát hiện nên đã ném xuống đường.

Quá trình điều tra xác định: bị cáo T1 và bị cáo P là bạn và đều sử dụng ma túy. Vào lúc 00 giờ 38 phút ngày 14/12/2024, bị cáo Thới mượn điện thoại của ông C1 rồi liên hệ với bị cáo P qua số thuê bao 0988.925.157 để mua ma túy. Bị cáo P đồng ý và hẹn bị cáo T1 đến phòng trọ của bị cáo P tại địa chỉ số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến khoảng 00 giờ 50 phút cùng ngày, bị cáo T1 nhờ ông C1 chở đi công việc thì ông C1 đồng ý. Ông C1 điều khiển xe mô tô biển số 66L1-605.93 chở bị cáo T1 đến đường B 22 theo yêu cầu và chỉ dẫn của bị cáo T1. Khi đến nơi, bị cáo T1 nói ông C1 đứng ngoài đường chờ, còn bị cáo T1 đi vào nhà trọ của bị cáo P (cách chỗ ông C1 khoảng 10 mét) để gặp bị cáo P. Bị cáo P nói bị cáo T1 để tiền vào khe cửa chính và hỏi bị cáo T1 có bao nhiêu tiền. Bị cáo T1 nói chỉ có 100.000 đồng, bị cáo P yêu cầu trả thêm. Do không còn tiền nên bị cáo T1 đi ra vay ông C1 15.000 đồng nhưng không nói mục đích vay. Sau đó, bị cáo T1 quay lại và để 115.000 đồng vào khe cửa, bị cáo P lấy tiền và để 01 (một) túi nylon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng qua khe cửa phía dưới cho bị cáo T1. Bị cáo T1 lấy túi nylon và quay lại xe cùng ông C1 đi về (việc bị cáo T1 mua ma túy và cất giấu trong người thì ông C1 không biết). Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, bị cáo T1 bị Tổ tuần tra Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) phát hiện, bắt giữ.

Kết quả xét nghiệm ma túy thể hiện bị cáo T1 dương tính với chất ma túy loại MET; ông C1 âm tính với ma túy.

Tại Kết luận giám định số 5858/KL-KTHS (MT) ngày 22/12/2024, Phòng K - Công an tỉnh B (nay là Công an Thành phố H) kết luận: mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M) gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,1034 gam.

Trên cơ sở lời khai của bị cáo T1, ngày 15/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H) tiến hành xác định địa điểm nơi bị cáo T1 mua ma túy và khám xét khẩn cấp phòng trọ của bị cáo P nhưng không thu giữ được gì. Bị cáo P tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng kèm sim số 0988.925.157. Kết quả xét nghiệm ma túy thể hiện bị cáo P dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Quá trình điều tra, bị cáo P thừa nhận hành vi bán ma túy cho bị cáo T1 vào ngày 14/12/2025 với giá 115.000 đồng như lời khai của bị cáo T1 và nguồn gốc số ma túy này là bị cáo P mua của một người tên D (chưa rõ nhân thân) có tài khoản Zalo tên "Giao D4 T" và số thuê bao 0362.722.670. Bị cáo P khai nhận đã dùng số tiền bán ma túy cho bị cáo T1 để mua ma túy về sử dụng, cụ thể: khoảng 20 giờ ngày 14/12/2024, bị cáo P sử dụng điện thoại di động sim có số thuê bao 0988.925.157 liên hệ qua tài khoản Zalo của người tên D mua ma túy, sau đó bị cáo P đến khu vực gần nhà nghỉ L1 thuộc khu dân cư V, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) nhận 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng và trả cho người tên D số tiền 120.000 đồng, sau đó bị cáo P đã sử dụng hết số ma túy này.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H) đã trưng cầu giám định phục hồi, trích xuất dữ liệu tin nhắn, điện thoại đối với điện thoại Oppo F9 thu giữ của bị cáo P nhưng không thu giữ được nội dung gì liên quan đến hành vi mua bán ma túy của bị cáo P.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M); 01 (một) xe mô tô gắn biển số 66L1-605.93; 01 (một) điện thoại Oppo F9 màu xanh đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng kèm sim 0988.925.157.

Tại Cáo trạng số 111/CT-VKS-TA ngày 10 tháng 6 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) quyết định truy tố bị cáo Hồ Văn P về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo Phan Ngọc T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương phát biểu như sau: lời khai nhận tội của cacsc bị cáo phù hợp với

các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Viện Kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi của bị cáo T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo T1 có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và xử phạt bị cáo P từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và xử phạt bị cáo T1 từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm tù. Về xử lý vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ trong vụ án; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12; trả lại cho ông C1 01 điện thoại Oppo F9 màu xanh đen; giao 01 xe mô tô gắn biển số 66L1-605.93 cho Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xem xét xử lý theo quy định và buộc bị cáo P nộp lại số tiền 115.000 đồng thu lợi bất chính.

Bị cáo P và bị cáo T1 không tự bào chữa.

Bị cáo P nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình.

Bị cáo T1 nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra – Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố H), Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh); hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố, ban hành quyết định, văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về điều luật áp dụng: hành vi của các bị cáo được thực hiện trước ngày 01/7/2025, căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH-15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của

Bộ luật Hình sự thì các quy định tại Điều 249 và Điều 251 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi, bổ sung này không có lợi cho người phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với các bị cáo.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh C1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, ông C1 đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt của ông C1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, xét xử vắng mặt ông C1.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố các bị cáo. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định: khoảng 00 giờ 50 phút ngày 14/12/2024, tại phòng trọ số B thuộc địa chỉ số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo P đã thực hiện hành vi bán 0,1034 gam ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo T1 với số tiền 115.000 đồng. Bị cáo T1 mua số ma túy này nhằm mục đích sử dụng.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hành vi của bị cáo P đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi của bị cáo T1 đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Nhân thân của các bị cáo: bị cáo P có nhân thân tốt. Bị cáo T1 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 12/11/2024, đến nay chưa chấp hành xong quyết định xử phạt.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho các bị cáo.

[9] Căn cứ khối lượng ma túy mà các bị cáo đã mua bán, tàng trữ; tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Xử lý vật chứng:

Đối với lượng ma túy được hoàn lại sau giám định, được đựng trong 01 (một) bì thư niêm phong: do bị cáo Thới tàng T2 trái phép, là chất mà Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô gắn biển số 66L1-605.93 thu giữ của ông Lê Thanh C1: quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô này. Ngày 09/5/2025, Đài Phát T3 và Truyền hình - Ủy ban nhân dân tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã đăng thông báo tìm chủ sở hữu đối với xe mô tô trên theo yêu cầu của Cơ quan điều tra nhưng đến nay chưa có chủ sở hữu liên hệ giải quyết nên cần tiếp tục giao xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra để tiếp tục điều tra, xem xét xử lý theo quy định.

Đối với 01 (một) điện thoại Oppo F9 màu xanh đen: quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông C1, ông C1 không biết bị cáo Thới mượn điện thoại để liên lạc mua ma túy nên cần trả lại điện thoại này cho ông C1.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 màu trắng kèm sim 0988.925.157: bị cáo P sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi mua bán ma túy nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Đối với số tiền 115.000 đồng mà bị cáo P có được từ việc bán ma túy cho bị cáo T1: đây là tiền bị cáo P thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo P nộp lại số tiền này vào ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với hành vi của ông C1 chở bị cáo T1 và cho bị cáo T1 vay 15.000 đồng để mua ma túy của bị cáo P: quá trình điều tra xác định ông C1 không biết mục đích bị cáo T1 nhờ chở đi và vay tiền để mua ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với hành vi của ông C1 là đúng quy định.

[13] Đối với người tên D bán ma túy cho bị cáo P: quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý là đúng quy định.

[14] Đối với hành vi của bị cáo P mua ma túy của người tên D vào ngày 14/12/2024 với số tiền 120.000 đồng sau đó đã sử dụng hết (theo như lời khai của bị cáo P): quá trình điều tra không thu giữ được lượng ma túy này cũng như chưa xác định được nhân thân lai lịch của người tên D nên chưa có căn cứ xử lý. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[15] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[16] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ

thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1, 2 Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 269; khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH-15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự,

1. Trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Hồ Văn P 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2024.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc T1 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2024.

2. Biện pháp tư pháp:

Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

2.1. Buộc bị cáo Hồ Văn P nộp số tiền 115.000 đồng (một trăm mười lăm nghìn đồng) thu lợi bất chính vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của người có đồ vật, tài liệu bị niêm phong Phan Ngọc T1, chữ ký người chứng kiến Vũ Hữu N1; Lê Thanh C1; chữ ký cán bộ niêm phong Trần Hoàng Sơn, chữ ký thiếu tá Lương Minh C2 - Điều tra viên và hình dấu đỏ của Công an phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ký hiệu bì thư 5858M/PC09 (kèm Kết luận giám định);

Tiếp tục giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố H để tiếp tục điều tra, xem xét xử lý theo quy định đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, số khung RLCS5C630CY656249, số máy 5C63-656270 (xe 01 kiếng, không kiểm tra được tình trạng bên trong máy); 01 (một) biển số 66L1-605.93.

Trả lại cho ông Lê Thanh C1: 01 (một) điện thoại Oppo màu xanh đen (không kiểm tra được tình trạng bên trong máy);

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 12 màu trắng kèm sim 0988.925.157, số seri F17DLBY80DXQ, số IMEI 353039112668182 (được niêm phong trong bì thư dán kín nên không thể kiểm tra sim và tình trạng bên trong máy).

Các vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này,

Bị cáo Hồ Văn P và bị cáo Phan Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Phương **Lê Văn Công** **Nguyễn Thị Ngân**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (3);
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo thường trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu: hồ sơ vụ án, THAHS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân